

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức					Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu		Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
				(TN)	(TL)			
Phân môn Lịch sử								
1	Vì sao phải học lịch sử?	1. Lịch sử và cuộc sống						
		2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lịch sử?				1*		10%*
		3. Thời gian trong lịch sử	2	2*				5%
2	Xã hội nguyên thủy	1. Nguồn gốc loài người	1*					2,5 %*
		2. Xã hội nguyên thủy	2					5%
		3. Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp và sự chuyển biến, phân hóa của xã hội nguyên thủy	1		1*			2,5 %
3	Xã hội cổ đại	1. Ai Cập và Lưỡng Hà	1	1			1*	5 %
		2. Ấn Độ		1			1	7,5%
		3. Trung Quốc	1		1			12,5 %
		4. Hy Lạp và La Mã	1			1		12,5 %
Tổng			8	2	1	1	1	13 câu
Tỉ lệ			20%	5%	10%	10%	5%	50%
Phân môn Địa lý								
2	Bản đồ, phương tiện thể hiện bề mặt Trái đất	1. Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ	1					2,5%
		2. Các yếu tố cơ bản của bản đồ	1					2,5 %
		3. Các loại bản đồ thông dụng				1*		5 %*
		4. Lược đồ trí nhớ	1*					2,5 %*

3	Trái Đất, hành tinh của hệ mặt trời	1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời	1*					2,5%*
		2. Hình dạng, kích thước Trái Đất	1					2.5%
		3. Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí						
4	Cấu tạo của Trái Đất, vỏ Trái Đất	1. Cấu tạo của Trái Đất	1*					2,5%*
		2. Các mảng kiến tạo						
		3. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi			1			10%
		4. Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này	2*	1			1	7,5%
		5. Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản	1 1*			1		12,5%
5	KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	1. Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió	4	1				12,5%
Tổng			8	2	1	1	1	13 câu
Tỉ lệ			20%	5%	10%	10%	5%	50%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
				Nhận biết	Thông hiểu		Vận dụng	Vận dụng cao
					TN	TL		
Phân môn Lịch sử								
1	Vì sao phải học lịch sử?	1. Lịch sử và cuộc sống.	Nhận biết - Nêu được khái niệm lịch sử. - Nêu được khái niệm môn Lịch sử. Thông hiểu - Giải thích được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. - Giải thích được sự cần thiết phải học môn Lịch sử.	2*				
		2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lịch sử?	Thông hiểu - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...). - Trình bày được ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu. Vận dụng -Kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến lịch sử				1*	
		3. Thời gian trong lịch sử.	Nhận biết - Nêu được một số khái niệm thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...	2				

			Vận dụng - Tính được thời gian trong lịch sử (thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...).					
2	Xã hội nguyên thủy	1. Nguồn gốc loài người.	Nhận biết - Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. Thông hiểu - Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất. Vận dụng - Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á.	1*				
		2. Xã hội nguyên thủy	Nhận biết - Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...) trên Trái đất - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam. Thông hiểu - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy. - Giải thích được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.	2				

		3. Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp và sự chuyển biến, phân hóa của xã hội nguyên thủy	Nhận biết – Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. – Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đông Đậu – Gò Mun. -Nêu được một số công cụ lao động bằng kim loại của người nguyên thủy.	1	1*			
			Thông hiểu – Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp - Mô tả được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông – Giải thích được sự tan rã của xã hội nguyên thủy – Giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.					
			Vận dụng cao - Nhận xét được vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.					
3	Xã hội cổ đại	1. Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	Nhận biết – Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà. – Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà	1				

		Thông hiểu – Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. Vận dụng cao -Nêu được ấn tượng nhất với thành tựu văn hóa nào của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại? Vì sao?		1			1*
	2. Ấn Độ	Nhận biết – Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ – Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ Thông hiểu -Nêu được chế độ đẳng cấp Vác-na được thiết lập dựa trên sự phân biệt điều gì? Vận dụng cao - Liên hệ được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ có ảnh hưởng đến hiện nay		1			1
	3. Trung Quốc	Nhận biết – Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc Thông hiểu – Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. – Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng	1			1	

			Vận dụng – Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.					
		4. Hy Lạp và La Mã	Nhận biết – Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã – Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã.	1				
			Thông hiểu – Giới thiệu được tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã					
			Vận dụng – Nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã.				1	
Số câu/ loại câu				8 câu TN	2 câu TN	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20%	5%	10%	10%	5%
Phân môn Địa lí								
2	Bản đồ, phương tiện thể hiện bề mặt Trái đất	1. Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ	Nhận biết -Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.	1				
		2. Các yếu tố cơ bản của bản đồ	Nhận biết -Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình	1				

			Thông hiểu -Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ					
		3. Các loại bản đồ thông dụng	Thông hiểu -Biết tìm đường đi trên bản đồ. Vận dụng -Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.				1*	
		4. Lược đồ trí nhớ	Nhận biết -Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. Vận dụng cao -Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.	1*				
3	Trái Đất, hành tinh của hệ mặt trời	1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời	Nhận biết -Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.	1*				
		2. Hình dạng, kích thước Trái Đất	Nhận biết -Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. Thông hiểu -Hiểu được ý nghĩa khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời	1				
		3. Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	Nhận biết -Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời.					

			Thông hiểu -Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). -Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau -Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. Vận dụng -Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. -So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.					
4	Cấu tạo của Trái Đất, vỏ Trái Đất	1. Cấu tạo của Trái Đất	Nhận biết -Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.	1*				
		2. Các mảng kiến tạo	Vận dụng -Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.					
		3. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi	Nhận biết -Trình bày được nội sinh, ngoại sinh là gì? Thông hiểu -Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh: Khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện, kết quả và vai trò			1		

		4. Hiện tượng động đất núi lửa	Nhận biết - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa - Câu tạo của núi lửa- Biết được hậu quả núi lửa, động đất khi xảy ra Thông hiểu - Nhật Bản nằm trong vành đai núi lửa nào? Vận dụng cao - Tìm kiếm được thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.	2*	1			1
		5. Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản	Nhận biết - Biết được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. - Biết được các nhóm khoáng sản và công dụng Vận dụng Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng. - Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản.	1* 1			1	
5	Khí hậu và đổi khí hậu	1. lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió	Nhận biết - Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu - Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. Thông hiểu - Hiểu được loại gió nào thổi quanh năm ở nước ta	2 2	1			

Số câu/ loại câu		8 câu TNKQ	2 câu TN	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %		20%	5%	10%	10%	5%
Tổng hợp chung		40%	30%		20%	10%



Họ tên:Lớp..... Số BD:

Mã đề 001

<u>ĐIỂM</u>	<u>NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN</u>
-------------	-------------------------------

A. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

***Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất**

I. Phần Lịch sử

Câu 1: Theo em, dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của

- A. Trái Đất quanh Mặt Trời. B. Mặt Trời quanh Trái Đất.
C. Mặt Trăng quanh Mặt Trời D. Mặt Trăng quanh Trái Đất

Câu 2: Đời sống vật chất của công xã thị tộc tiền bộ hơn bầy người nguyên thủy

- A. biết trồng trọt B. săn bắn C. hái lượm D. sống trong hang động

Câu 3: Hình thức tổ chức xã hội của Người tinh khôn là

- A. bầy người nguyên thủy B. nhà nước C. làng, bản D. công xã thị tộc

Câu 4: Trung Quốc cổ đại đã phát minh kỹ thuật nào?

- A. giấy B. ướp xác C. cái cày D. bánh xe

Câu 5: Một trong những công trình kiến trúc nổi tiếng của cư dân Ai Cập cổ đại là

- A. Kim tự tháp Kê-ốp B. Vườn treo Ba-bi-lon
C. Đền Pác-tê-nông D. Đấu trường Cô-lô-dê

Câu 6: Một thế kỉ có bao nhiêu năm?

- A. 1000 năm B. 100 năm C. 10 năm D. 200 năm

Câu 7: Nước đầu tiên đã xây dựng nhà nước thành bang

- A. Ấn Độ B. Hy Lạp C. La Mã D. Ai Cập

Câu 8: Nhờ sử dụng công cụ lao động bằng kim loại, người nguyên thủy đã

- A. thu hẹp diện tích sản xuất B. bị giảm năng suất lao động
C. chuyển địa bàn cư trú lên vùng cao D. tăng năng suất lao động, tạo ra của cải dư thừa

Câu 9: Người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại có nhiều phát minh quan trọng còn có giá trị đến ngày nay

- A. cách làm thủy lợi B. hệ chữ cái la-tinh C. hệ thống 10 chữ số D. kỹ thuật làm giấy

Câu 10: Chế độ đẳng cấp Vác-na được thiết lập dựa trên sự phân biệt về

- A. tôn giáo B. giới tính C. địa bàn cư trú D. chủng tộc và màu da

II. Phần Địa lí

Câu 11: Đường kinh tuyến gốc là đường kinh tuyến 0° đi qua đài thiên văn Grin- uyích của nước nào?

- A. Đức B. Anh C. Pháp D. I-ta-li-a

Câu 12: Hình dạng của Trái Đất là

- A. Hình vuông B. Hình tròn C. Hình e líp D. Hình cầu

Câu 13: Dụng cụ đo khí áp

- A. Nhiệt Kế B. Thùng đo mưa C. Khí áp kế D. Âm kế

Câu 14: Muối mỏ, thạch anh, đá vôi,... thuộc loại khoáng sản nào sau đây.

- A. Năng lượng B. Phi kim loại. C. Kim loại màu D. Kim loại

Câu 15: Trong các thành phần của không khí, Ni-tơ chiếm:

- A. 78% B. 21% C. 1% D. 50%

Câu 16: Độ cao tăng 100m nhiệt độ giảm trung bình bao nhiêu độ?

- A. 0,6°C B. 0,8°C C. 1°C. D. 0,5°C

Câu 17: Tỷ lệ bản đồ gồm có

- B. tỉ lệ số và tỉ lệ thức**
C. bảng chú giải và kí hiệu

A. Đại Tây Dương B. Thái Bình Dương C. Ấn Độ Dương D. Bắc Băng Dương

A. Gió Mậu dịch. B. Gió Đông cực. C. Gió mùa. D. Gió Tây ôn đới.

A. 30^0 B. 90^0 C. 0^0 D. 60^0

I. Phần Lịch sử

Câu 2. (1,0 điểm) Điều kiện tự nhiên có tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hi Lạp, La Mã ?

Câu 3. (0,5 điểm) Theo em, những thành tựu văn hóa nào của người Ấn Độ cổ đại vẫn còn được bảo tồn đến ngày nay?

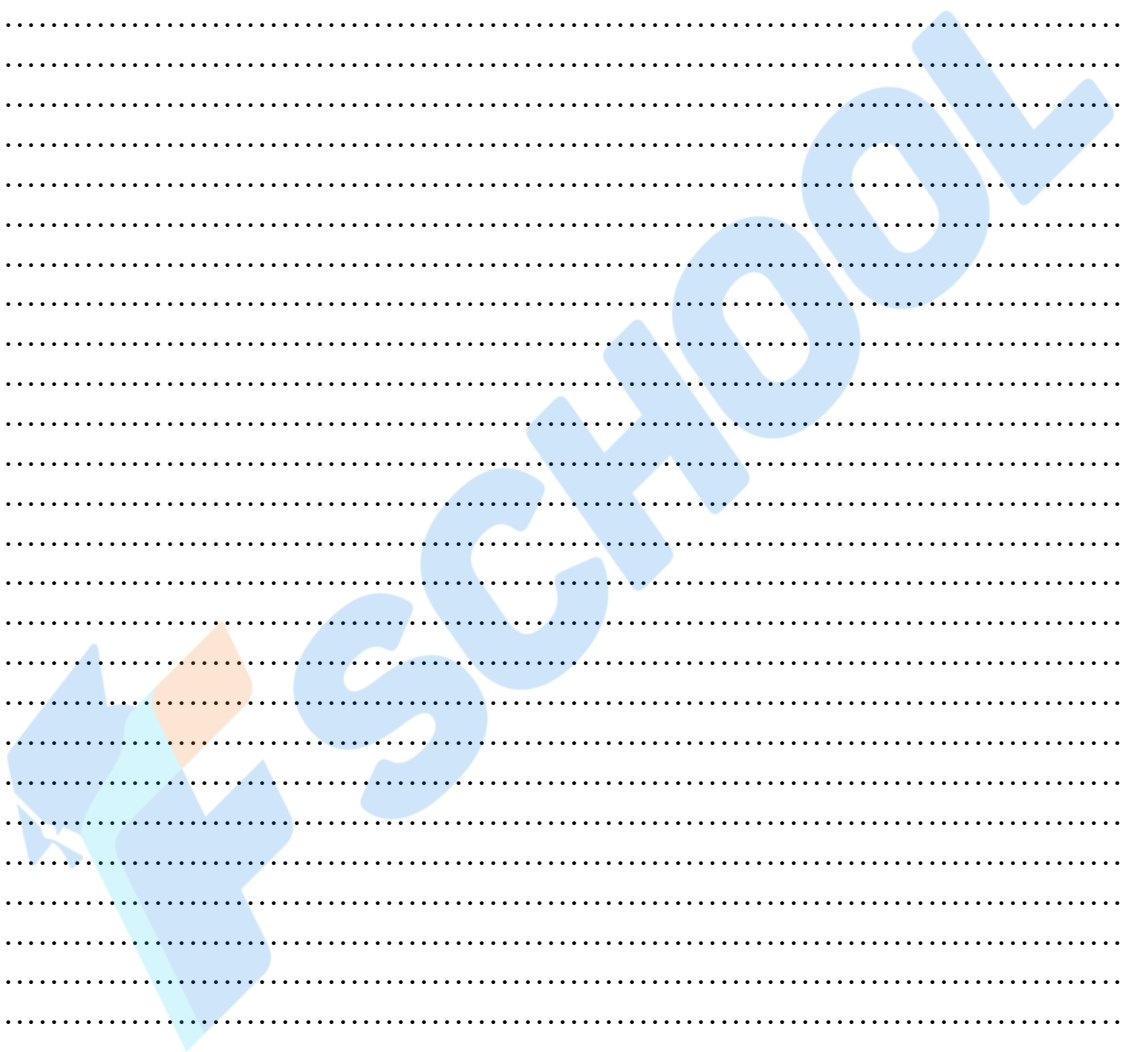
Câu 4. (1,0 điểm) Vai trò của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong việc hình thành địa hình bề mặt Trái Đất?

Câu 5. (1,0 điểm) So sánh những điểm giống và khác nhau giữa núi và đồi?

Câu 6. (0,5 điểm) Em hãy tìm kiếm thông tin về thảm họa do một trận động đất hoặc núi lửa gây ra?

Bài làm:





Họ tên:Lớp..... Số BD:

Mã đề 002

<u>ĐIỂM</u>	<u>NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN</u>
-------------	-------------------------------

A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

* Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất

I. Phần Lịch sử

Câu 1: Đặc điểm của công xã thị tộc?

- A. biết trồng trọt, chăn nuôi
B. vẽ tranh trên vách đá
C. sống trong hang động
D. sống thành từng bầy

Câu 2: Từ rất sớm, người Ai Cập cổ đại đã có chữ viết riêng, đó là

- A. chữ Phạn
B. chữ Hín-đu
C. chữ tượng hình
D. chữ Hán

Câu 3: Trung Quốc cổ đại đã phát minh kỹ thuật nào?

- A. ướp xác
B. la bàn
C. bánh xe
D. cái cày

Câu 4: Một thập kỉ có bao nhiêu năm?

- A. 100 năm
B. 200 năm
C. 1000 năm
D. 10 năm

Câu 5: Người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại có nhiều phát minh quan trọng còn có giá trị đến ngày nay

- A. cách làm thủy lợi
B. hệ chữ cái la-tinh
C. hệ thống 10 chữ số
D. kỹ thuật làm giấy

Câu 6: Hình thức tổ chức xã hội của Người tinh khôn là

- A. làng, bản
B. công xã thị tộc
C. nhà nước
D. bầy người nguyên thủy

Câu 7: Một trong những công trình kiến trúc nổi tiếng của cư dân Ai Cập cổ đại là

- A. Kim tự tháp Kê-ốp.
B. Vườn treo Ba-bi-lon.
C. Đền Pác-tê-nông.
D. Đâu trường Cô-lô-dê.

Câu 8: Theo em, dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của

- A. Mặt Trăng quanh Trái Đất
B. Mặt Trời quanh Trái Đất.
C. Mặt Trăng quanh Mặt Trời
D. Trái Đất quanh Mặt Trời

Câu 9: Nhờ sử dụng công cụ lao động bằng kim loại, người nguyên thủy đã

- A. thu hẹp diện tích sản xuất
B. bị giám sát năng suất lao động.
C. chuyên địa bàn cư trú lên vùng núi cao
D. tăng năng suất lao động, tạo ra của cải dư thừa

Câu 10: Chế độ đẳng cấp Vác-na được thiết lập dựa trên sự phân biệt về

- A. tôn giáo
B. giới tính
C. địa bàn cư trú
D. chủng tộc và màu da

II. Phần Địa lí

Câu 11: Hình dạng của Trái Đất là

- A. Hình e líp
B. Hình cầu
C. Hình tròn
D. Hình vuông

Câu 12: Nhật Bản nằm ở vành đai lửa nào sau đây?

- A. Đại Tây Dương
B. Thái Bình Dương
C. Ấn Độ Dương
D. Bắc Băng Dương

Câu 13: Áp thấp ôn đới nằm ở vĩ độ

- A. 0^0
B. 30^0
C. 60^0
D. 90^0

Câu 14: Trong các thành phần không khí, khí O-xi chiếm:

- A. 78%
B. 21%
C. 1%
D. 50%

Câu 15: Đường xích đạo là đường

- A. vĩ tuyến gốc.
B. vĩ độ.
C. kinh độ.
D. kinh tuyến gốc.

Câu 16: Tỷ lệ bản đồ gồm có

- A. tỉ lệ thước và bảng chú giải
B. tỉ lệ số và tỉ lệ thước

D. bảng chú giải và kí hiệu

A. 0,5⁰C

B. 0,8 °C

C. 0,6⁰C

D. 1⁰C

A. Khí áp kế

B. Thùng đo mưa

C. Nhiệt kế

D. Âm ké

A. Gió Mậu dịch.

B. Gió Đông cực.

C. Gió mùa.

D. Gió Tây ôn đới.

A. Năng lượng

B. Phi kim loại.

C. Kim loại màu

D. Kim loại

I. Phần Lịch sử

Câu 1. (1,0 điểm) Trình bày chính sách của nhà Tần khi thống nhất đất nước.

Câu 2. (1,0 điểm) Điều kiện tự nhiên có tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hi Lạp, La Mã?

Câu 3. (0,5 điểm) Em ấn tượng nhất với thành tựu văn hóa nào của người Ấn Độ cổ đại? Vì sao?

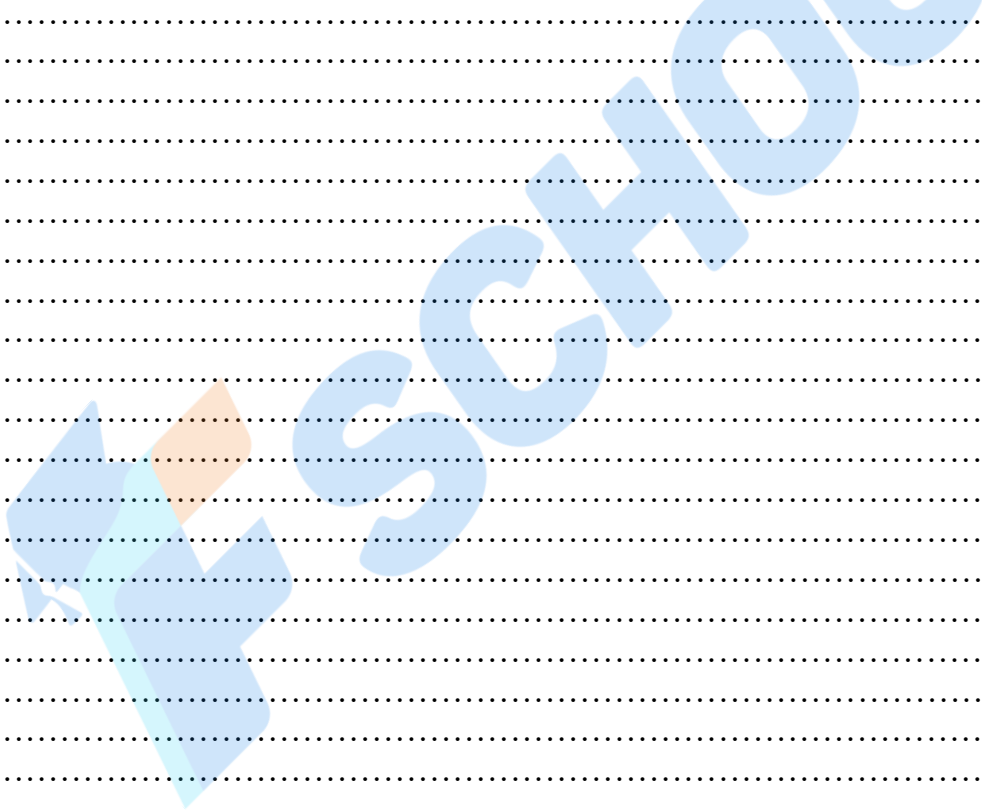
II. Phần Địa lí

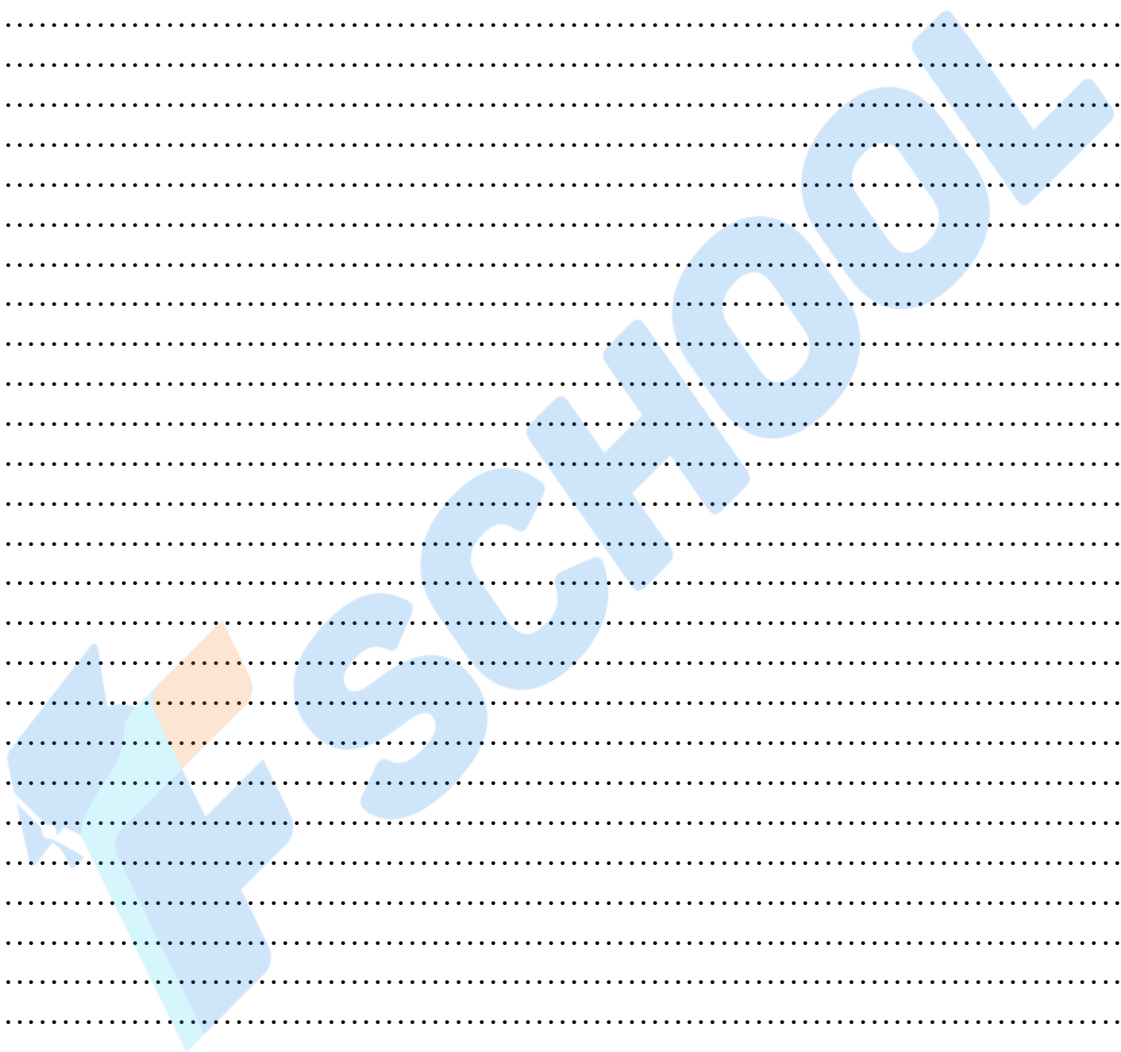
Câu 4. (1,0 điểm) Vai trò của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong việc hình thành địa hình thành bề mặt Trái Đất?

Câu 5. (1,0 điểm) So sánh những điểm giống và khác nhau giữa cao nguyên và đồng bằng?

Câu 6. (0,5 điểm) Em hãy tìm kiếm thông tin về thảm họa do một trận động đất hoặc núi lửa gây ra?

Bài làm:





Mã đề 001

I. TRẮC NGHIỆM: (2,5 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm.

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ.Án	A	A	D	A	A	B	B	D	A	D

TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1 (1,0đ)	- Năm 221TCN, Tần Thủy Hoàng thống nhất lãnh thổ, tự xưng hoàng đế.	0,25
	- Chia đất nước ra thành các quận huyện, đặt các quan cai quản	0,25
	- Áp dụng chế độ đo lường, tiền tệ, chữ viết và pháp luật chung trên cả nước.	0,25
	→ Lập triều đại phong kiến đầu tiên ở Trung Quốc	0,25
2 (1,0đ)	- Là các quốc gia thuộc khu vực Địa Trung Hải, 3 mặt giáp biển,...có điều kiện giao lưu với các nền văn minh phương Đông	0,25
	- Đường bờ biển dài, khúc khuỷu có nhiều vịnh, hải cảng, thuận lợi cho việc đi lại, trú ngụ của tàu, thuyền,... phát triển đánh bắt hải sản và phát triển giao thông, buôn bán bằng đường biển,..	0,25
	- Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.	0,25
	- Đất đai không thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp mà thuận lợi cho buôn bán và thủ công nghiệp,....	0,25
3 (0,5đ)	-Thành tựu văn hóa bảo tồn đến ngày nay: Phật giáo và Ấn Độ giáo, Hai bộ sử thi: Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na, các con số và các công trình kiến trúc,....	0,5

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ.Án	B	D	C	B	A	A	B	B	A	A

TỰ LUẬN

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
9 (1,0đ)	Vai trò: -Nội sinh: làm di chuyển các mảng kiến tạo, nén ép các lớp đất đá, làm cho chúng bị uốn nếp, đứt gãy hoặc đẩy vật chất nóng chảy ở dưới sâu ra bề mặt đất tạo thành núi lửa, động đất,...tạo ra những dạng địa hình lớn (dãy núi, khối núi cao,..)	0,5
	- Ngoại sinh: phá vỡ, san bằng các địa hình do nội sinh tạo nên, đồng thời cũng tạo ra các dạng địa hình mới,...	0,5
10 (1,0đ)	* Giống nhau: - Núi và đồi đều là dạng địa hình nhô cao trên bề mặt đất - Đều có 3 bộ phận: chân, sườn, đỉnh	0,5
	*Khác nhau: - Núi là dạng địa hình nhô cao rõ rệt trên mặt đất, có đỉnh nhọn, sườn dốc, độ cao tuyệt đối của núi thường trên 500m - Đồi là dạng địa hình nhô cao trên mặt đất, có đỉnh tròn, sườn thoải. độ cao tương đối của đồi không quá 200m	0,5
11	- Trận động đất – sóng thần xảy ra ở Nhật Bản (2011)	0,25

(0,5đ)	- Trận động đất xảy ra ở Tứ Xuyên – Trung Quốc (2008)	0,25
--------	---	------

Mã đề 002

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ.Án	A	C	B	D	A	B	A	D	D	D

B. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1 (1,đ)	- Năm 221TCN, Tần Thủy Hoàng thống nhất lãnh thổ, tự xưng hoàng đế. - Chia đất nước ra thành các quận huyện, đặt các quan cai quản - Áp dụng chế độ đo lường, tiền tệ, chữ viết và pháp luật chung trên cả nước. → Lập triều đại phong kiến đầu tiên ở Trung Quốc	0,25 0,25 0,25 0,25
2 (1,0đ)	- Là các quốc gia thuộc khu vực Địa Trung Hải, 3 mặt giáp biển,...có điều kiện giao lưu với các nền văn minh phương Đông - Đường bờ biển dài, khúc khuỷu có nhiều vịnh, hải cảng, thuận lợi cho việc đi lại, trú ngụ của tàu, thuyền,... phát triển đánh bắt hải sản và phát triển giao thông, buôn bán bằng đường biển.. - Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú. - Đất đai không thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp mà thuận lợi cho buôn bán và thủ công nghiệp,....	0,25 0,25 0,25 0,25
3 (0,5đ)	-Em ấn tượng nhất với thành tựu chữ viết: Vì người Ấn Độ cổ đại đã phát minh ra hệ thống chữ viết từ 0 đến 9 đặc biệt là chữ số 0	0,5

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ.Án	B	B	C	B	A	B	C	A	A	A

TỰ LUẬN

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
9 (1,0đ)	Vai trò: -Nội sinh: làm di chuyển các mảng kiến tạo, nén ép các lớp đất đá, làm cho chúng bị uốn nếp, đứt gãy hoặc đẩy vật chất nóng chảy ở dưới sâu ra bề mặt đất tạo thành núi lửa, động đất,...tạo ra những dạng địa hình lớn (dãy núi, khối núi cao,..) - Ngoại sinh: phá vỡ, san bằng các địa hình do nội sinh tạo nên, đồng thời cũng tạo ra các dạng địa hình mới,...	0,5 0,5
10 (1,0đ)	* Giống nhau: -Bề mặt tương đối bằng phẳng *Khác nhau: -Cao nguyên: độ cao trên 500m so với mực nước biển, sườn dốc, là dạng địa hình miền núi. -Đồng bằng: độ cao dưới 200m so với mực nước biển, bằng phẳng, không có sườn.	0,5 0,5
11 (0,5đ)	- Trận động đất – sóng thần xảy ra ở Nhật Bản (2011) - Trận động đất xảy ra ở Tứ Xuyên – Trung Quốc (2008)	0,25 0,25

----- **Hết** -----